

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2022/DS-ST

Ngày: 13/9/2022.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Ông Huỳnh Văn Hoàn.

Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 177/2021/QĐST-DS ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở chính: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn G – Giám đốc Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Tiền Giang. Địa chỉ: số 6, Đ, phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền lại: Ông Dương Hoàng T – Trưởng Phòng giao dịch C – chi nhánh Tiền Giang. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn:

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện nguyên đơn ông Dương Hoàng T trình bày:

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh N có vay của Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Tiền Giang – Phòng giao dịch C (Ngân hàng S) và có ký tên vào hợp đồng tín dụng LD1832700002, ngày 23/11/2018 để vay số tiền 100.000.000đ, đồng thời ông H, bà N có ký tên vào giấy nhận nợ số LD1832700002/GNN1 để vay tiền từ ngày 04/12/2018 thời hạn vay

05 năm, trả dần vốn và lãi hàng tháng, lãi suất 12,5%/năm, ngày 04/12/2023 đáo hạn ngân hàng. Khi vay tiền ông H có thể chấp tài sản bảo đảm là thửa đất số 542, tờ bản đồ 37, diện tích 547,7m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CP 442206, sổ vào sổ cấp giấy: CS04393 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/9/2018 cho ông Trần Văn H. Quá trình vay từ ngày 04/12/2018 ông H, bà N đã thanh toán vốn lãi theo hợp đồng đến ngày 15/9/2021, từ đó đến nay ông H, bà N không thanh toán cho ngân hàng, đã nhiều lần yêu cầu và nhắc nhở nhưng ông H, bà N không trả nợ. Tính đến ngày 25/5/2022 ông H, bà N đã trả cho Ngân hàng tiền vốn là 53.440.000đ và tiền lãi là 25.432.498đ. Từ ngày 25/5/2022 ông H, bà N còn nợ lại Ngân hàng S số tiền vốn là 46.560.000đ, tiền lãi theo hợp đồng là 3.805.108đ, lãi quá hạn là 1.000.792đ, lãi chậm trả là 141.482đ, tổng cộng là 51.507.382đ.

Ngoài ra ông H còn ký kết để vay khoản vay thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 20.000.000đ, mục đích tiêu xài. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (ngày 15/12/2021) ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 20.000.000đ, tiền lãi là 2.923.966đ, tiền phí là 1.000.000đ. Tính đến ngày 15/12/2021 ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 2.090.000đ (tiền lãi và phí), kể từ đó đến nay ông H ngưng không thanh toán do đó ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 15/12/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Đến ngày 25/5/2022 ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 26.110.988đ, trong đó vốn là 22.412.335đ, lãi quá hạn là 3.698.653đ.

Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Tiền Giang số tiền vốn là 68.972.335đ, tiền lãi theo hợp đồng là 3.805.108đ, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả là 4.840.927đ, tổng cộng vốn và lãi là 77.618.370đ (vốn và lãi tính đến ngày 25/5/2022), yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày 25/5/2022 ông H, bà N chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng tín dụng số LD1832700002, ngày 23/11/2018 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/4/2021 cho đến khi trả hết số nợ; Nếu ông H, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LD1832700002, ngày 23/11/2018 để đảm bảo thanh toán nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thanh Nga đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H, bà N vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn đại diện ủy quyền của Ngân hàng có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Xét thấy, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thanh N có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Tiền Giang – Phòng giao dịch C (gọi tắt là Ngân hàng). Theo hợp đồng tín dụng số LD1832700002, ngày 23/11/2018 để vay số tiền 100.000.000đ, đồng thời ông H, bà N có ký tên vào giấy nhận nợ số LD1832700002/GNN1 để vay tiền từ ngày 04/12/2018 thời hạn vay 05 năm, trả dần vốn và lãi hàng tháng, lãi suất 12,5%/năm, ngày 04/12/2023 đáo hạn ngân hàng. Khi vay tiền ông H có thể chấp tài sản bảo đảm là thửa đất số 542, tờ bản đồ 37, diện tích 547,7m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Tân Đông, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CP 442206, sổ vào sổ cấp giấy: CS04393 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/9/2018 cho ông Trần Văn H. Quá trình vay từ ngày 04/12/2018 ông H, bà N đã thanh toán vốn lãi theo hợp đồng đến ngày 15/9/2021, từ đó đến nay ông H, bà N không thanh toán cho ngân hàng. Ngoài ra ông H còn ký để được vay thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng 20.000.000đ, sau khi được cấp thẻ thì ông H sử dụng hết hạn mức của số tiền được cấp, tính đến ngày 15/12/2021 ông H có trả cho Ngân hàng số tiền 2.090.000đ thì ngưng cho đến nay, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H từ ngày 15/12/2021 đến nay và chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Tiền Giang số tiền vốn là 46.560.000đ, và tiền lãi (bao gồm lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả) là 7.154.727đ, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, sau ngày 13/9/2022 ông H, bà N chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng tín dụng số LD1832700002, ngày 23/11/2018. Đồng thời yêu cầu ông H, bà N phải thanh toán số tiền vay và lãi của thẻ tín dụng hạn mức sử dụng 20.000.000đ tính đến ngày 13/9/2020 là 28.660.991đ (trong đó dư nợ quá hạn 22.412.335đ, lãi quá hạn là 6.248.656đ), nếu ông H, bà N không thanh toán, đề nghị Tòa án buộc ông H phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1714064, ngày 13/4/2021.

Xét thấy, do ông H, bà N đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số **LD1832700002, ngày 23/11/2018** và vi phạm Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Riêng đối với khoản vay thẻ tín dụng tuy chỉ có ông H ký tên vay tiền, nhưng mục đích vay là để tiêu dùng trong gia đình. Mặc khác ông H, bà N là vợ chồng theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/3/2011. Do đó bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu trách nhiệm nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 27, Điều 30

và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H, bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn là 46.560.000đ, và tiền lãi (bao gồm lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả) là 7.154.727đ, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, sau ngày 13/9/2022 ông H, bà N chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng tín dụng số LD1832700002, ngày 23/11/2018. Đồng thời yêu cầu ông H, bà N phải thanh toán số tiền vay và lãi của thẻ tín dụng hạn mức sử dụng 20.000.000đ tính đến ngày 13/9/2022 là 28.660.991đ (trong đó dư nợ quá hạn 22.412.335đ, lãi quá hạn là 6.248.656đ), nếu ông H, bà N không thanh toán, đề nghị Tòa án buộc ông H phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1714064, ngày 13/4/2021.

Đối với bị đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thanh N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng trong đó nêu rõ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nhưng ông H, bà N không có ý kiến phản đối và không đến dự hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa; Như vậy là ông H, bà N đã mặc nhiên thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn Ngân hàng và đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh Tiền Giang – Phòng giao dịch C.

Buộc ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thanh N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Tiền Giang – Phòng giao dịch C số tiền nợ:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1832700002, ngày 23/11/2018 là **53.714.727 đồng** (trong đó vốn là 46.560.000đ, lãi là 4.908.990đ, lãi quá hạn 1.978.606đ, lãi chậm trả 267.131đ);

+ Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng 20.000.000đ tính đến ngày 13/9/2022 là **28.660.991 đồng** (trong đó dư nợ quá hạn 22.412.335đ, lãi quá hạn là 6.248.656đ).

Kể từ khi Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Tiền Giang – Phòng giao dịch C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh N chậm thực hiện việc trả nợ thì còn phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng số: **LD1832700002, ngày 23/11/2018 và** hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1714064, ngày 13/4/2021. Trường hợp ông H, bà N không trả tất nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số: LD1832700002 ngày 23/11/2018.

2. *Về án phí*: Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 4.118.000 đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.940.000đ, theo biên lai thu số 0016415, ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Thoa